

THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT LẦN II

Năm học: 2020-2021

MÔN NGỮ VĂN

Mức độ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng
I. Đọc hiểu - Ngữ liệu: 01 đoạn trích hoặc văn bản. - Tiêu chí: + Dài khoảng 200 chữ. + Nội dung đề cập những vấn đề gần gũi, phù hợp với tâm lí, trình độ học sinh.	- Nhận biết: + Phương thức biểu đạt của văn bản. + Phát hiện cụm từ ngữ chứa nội dung theo yêu cầu của đề.	- Hiểu được nghĩa của từ, câu, hình ảnh... trong văn bản - Nhận ra biện pháp tu từ và hiểu được vai trò, ý nghĩa của biện pháp tu từ đó trong câu/ đoạn văn.	- Nhận xét, đánh giá tư tưởng, quan điểm, tình cảm... của tác giả trong văn bản. - Trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản		
<i>Số câu</i>	<i>02</i>	<i>01</i>	<i>01</i>		04
<i>Số điểm</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>1,0</i>		3,0
<i>Tỉ lệ</i>	10%	10%	10%		30%
II. Phần Làm văn					
1. Viết đoạn văn nghị luận xã hội	- Nhận biết được yêu cầu về nội dung, hình thức nêu trong đề bài.	- Hiểu vấn đề cần nghị luận	- Vận dụng những hiểu biết về xã hội và các thao tác lập luận để đánh giá, phân tích vấn đề hợp lí, thuyết phục	- Biết rút ra bài học đối với bản thân.	
<i>Số câu</i>			<i>01</i>		01
<i>Số điểm</i>	<i>0,5</i>	<i>0,75</i>	<i>0,5</i>	<i>0,25</i>	02
<i>Tỉ lệ</i>	5%	7,5%	5%	2,5%	20%
2. Nghị luận văn học Văn bản “Vợ	- Nhận biết những nét chính về tác giả, tác	- Hiểu được những yếu tố liên quan đến vấn đề:	- Vận dụng kiến thức đã học, trình bày cảm nhận về	- Đánh giá được ý nghĩa của việc miêu	

chồng A Phù” của Tô Hoài.	phẩm và phạm vi yêu cầu nêu trong đề bài	bản chất, biểu hiện của vấn đề.	nỗi buồn của nhân vật Mị trong tác phẩm Vợ chồng A Phù	tả nỗi buồn, đặc sắc nghệ thuật của nhà văn...	
Số câu	<i>01</i>				01
Số điểm	<i>1,5</i>	<i>1,75</i>	<i>1,0</i>	<i>0,75</i>	5,0
Tỉ lệ	<i>15%</i>	<i>17,5%</i>	<i>10%</i>	<i>7,5%</i>	50%
Cộng	<i>3,0</i> <i>30%</i>	<i>3,5</i> <i>35%</i>	<i>2,5</i> <i>25%</i>	<i>1,0</i> <i>10%</i>	10 100%

Môn thi: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

(Đề thi có 02 trang)

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng rú rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh

Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy
Một tiếng *vườn* rợp bóng lá cành vươn
Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng *suối*
Tiếng *heo may* gọi nhớ những con đường

Một đảo nhỏ xa xôi ngoài biển rộng
Vẫn tiếng *làng* tiếng *nước* của riêng ta
Tiếng chẳng mất khi Loa Thành đã mất
Nàng Mị Châu quỳ xuống lạy cha già.

Tiếng thao thức lòng trai ôm ngọc sáng
Dưới cát vùi sóng đập chẳng hề nguôi
Tiếng tủi cực kẻ ăn cầu ngủ quán
Thành Nguyễn Du vằng vặc nỗi thương đời.”

(Trích *Tiếng Việt* – Lưu Quang Vũ, *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*, NXB Giáo dục, 1985, tr.218)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Trong khổ thơ thứ nhất, Lưu Quang Vũ đã nhắc đến những đặc điểm nổi bật nào của tiếng Việt (chỉ rõ những từ ngữ thể hiện đặc điểm đó)?

Câu 3. Anh/chị hãy nêu tác dụng của phép tu từ liệt kê ở khổ thơ thứ hai của văn bản đã cho.

Câu 4. Theo anh/chị, vì sao tác giả cho rằng “Tiếng chẳng mất khi Loa Thành đã mất”? Điều đó có ý nghĩa gì?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm).

Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của tiếng Việt với người Việt.

Câu 2 (5,0 điểm).

Mở đầu truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, Tô Hoài giới thiệu về nhân vật Mị:

“Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi.”

(“Vợ chồng A Phủ” - Tô Hoài, Ngữ văn 12, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam 2008, tr 22)

Bằng hiểu biết về tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, anh/chị hãy làm rõ nỗi buồn của nhân vật Mị, từ đó làm rõ nét độc đáo trong việc khám phá đời sống và tâm hồn con người của nhà văn.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI THỬ LẦN 2
KÌ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2020 - 2021
Môn thi: NGŨ VĂN

P h â u n	C	Nội dung	Đ i ể m
I		ĐỌC HIỂU	3 . 0
	1	Nội dung chính của đoạn trích: Đoạn trích thể hiện cách nhìn của Lưu Quang Vũ về đặc điểm của tiếng Việt. Qua đó bày tỏ niềm tự hào của tác giả Lưu Quang Vũ về vẻ đẹp và giá trị của ngôn ngữ dân tộc.	0 .5
	2	Đặc điểm của Tiếng Việt: Tiếng Việt rất giàu thanh điệu và giàu giá trị gợi hình, gợi cảm. Đặc điểm đó được thể hiện ở những từ ngữ sau: “nói thường nghe như hát”, “ríu rít âm thanh”, “đầu huyền trầm”, “đầu ngã chênh vênh”.	0 .5
	3	- Liệt kê một số tiếng trong tiếng Việt “tiếng vườn”, “tiếng suối”, “tiếng heo may” “tiếng làng”, “tiếng nước” để làm rõ vẻ đẹp kì diệu của tiếng Việt - mỗi tiếng trong tiếng Việt đều rất giàu sức gợi - gợi hình, gợi cảm, gợi liên tưởng, tưởng tượng, đánh thức cảm xúc...	1 .0
	4	Lưu Quang Vũ khẳng định rằng “Tiếng chẳng mất khi Loa Thành đã mất” là bởi tiếng nói gắn với con người, gắn với hồn dân tộc. Dù đất nước có những khi bị giày xéo dưới gót giày xâm lược thì chỉ cần người Việt còn, người Việt giữ được hồn Việt thì tiếng Việt sẽ mãi còn. Nói điều này, Lưu Quang Vũ muốn khẳng định sức sống bất diệt của người Việt, hồn Việt - vốn là một cơ sở quan trọng để tạo nên sức sống trường tồn của dân tộc.	1 .0
I I		LÀM VĂN	7 .0
	1	Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý nghĩa của cảm giác ăn năn, day dứt trong lòng mỗi người.	2 .0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: Có đủ các phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn. <i>Mở đoạn</i> nêu được ý tưởng, <i>thân đoạn</i> triển khai được nội dung ý tưởng, <i>kết đoạn</i> chốt lại được nội dung đã trình bày.	0 .2 5
		b. Xác định đúng nội dung nghị luận: ý nghĩa của tiếng Việt với người Việt	0 .2 5
		c. Triển khai nội dung nghị luận thành các ý cụ thể; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. - Tiếng Việt là ngôn ngữ chính để tạo ra bản sắc riêng của dân tộc, là thành quả đáng tự hào của người Việt Nam trong suốt 4000 năm dựng nước và giữ nước.	1 .0

	<p>- Tiếng Việt trong sáng, tinh tế, phong phú, giàu khả năng biểu đạt, giúp người Việt không chỉ giao tiếp mà còn bày tỏ tiếng nói, thể hiện tâm tư, tình cảm, quan điểm cũng như những phát hiện, sáng tạo của mình.</p> <p>- Tiếng nói cũng là một giá trị văn hóa, một yếu tố quan trọng góp phần làm nên diện mạo của một đất nước có chủ quyền, có tư thế độc lập. Trải qua hàng ngàn năm đấu tranh, người Việt đã luôn trân trọng, giữ gìn tiếng nói dân tộc như một cách khẳng định chủ quyền độc lập của dân tộc mình.</p> <p><i>(Thí sinh cần lấy dẫn chứng thực tế để minh họa, tránh lấy dẫn chứng trong tác phẩm văn học)</i></p>	
	d. Sáng tạo: Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	0 .2 5
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0 .2 5
2	<p>Mở đầu truyện ngắn “Vợ chồng A Phủ”, Tô Hoài giới thiệu về nhân vật Mị:</p> <p>“Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý Pá Tra thường trông thấy có một cô con gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi.”</p> <p>(“Vợ chồng A Phủ” - Tô Hoài, Ngữ văn 12, Tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam 2008, tr 22)</p> <p>Bằng hiểu biết về tác phẩm “Vợ chồng A Phủ”, anh/chị hãy làm rõ nỗi buồn của nhân vật Mị, từ đó làm rõ nét độc đáo trong việc khám phá đời sống và tâm hồn con người của nhà văn.</p> <p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.</p> <p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Nỗi buồn của nhân vật Mị (nguyên nhân, biểu hiện, ý nghĩa) trong truyện Vợ chồng A Phủ</p> <p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p> <p>c.1. Giới thiệu (bao hàm xác định chính xác vấn đề cần nghị luận):</p> <p>- “Vợ chồng A Phủ” (1953) là truyện ngắn tiêu biểu trong tập “Truyện Tây Bắc” - kết quả của chuyến đi thực tế 8 tháng cùng bộ đội lên giải phóng Tây Bắc năm 1952. Tập truyện được đánh giá là “thành tựu đột xuất” của văn xuôi chống Pháp bởi chính những khám phá đời sống tinh thần người lao động miền núi. Trong truyện, Tô Hoài đã dồn bút lực khắc họa nhân vật Mị - một người con gái có vẻ ngoài câm lặng nhưng đời sống nội tâm lại phong phú, phức tạp.</p> <p>- Mở đầu tác phẩm, Tô Hoài đã giới thiệu một cách đầy ấn tượng về nhân vật: “Ai ở xa về, có việc vào nhà thống lý Pá Tra thường trông thấy có một cô gái ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi.”. Toàn bộ tác phẩm là cách nhà văn lý giải nguyên nhân dẫn tới nỗi buồn đó của Mị.</p>	5 .0 0 .2 5 3 .7 5 0 .5 0 2 5 0 2 5

<p>c. 2. Phân tích nỗi buồn của nhân vật Mị:</p>	2
<p>a. Giới thiệu chung về nhân vật Mị và lí do khiến cô có mặt trong nhà Pá Tra:</p>	5
<p>- Mị là một người con gái trẻ trung, xinh đẹp, có tài (thổi sáo, thổi lá cũng hay như thổi sáo). Tài sắc ấy khiến Mị có nhiều trai làng mê, cũng khiến Mị có được những đêm tình mùa xuân say mê và hạnh phúc.</p>	0 5
<p>- Vì một món nợ truyền kiếp, Mị bị bắt làm con dâu trừ nợ nhà Pá Tra. Dù phản ứng dữ dội với sự sắp đặt này, nhưng vì thương bố, Mị buộc phải hi sinh bản thân, chấp nhận làm con dâu gạt nợ nhà Pá Tra. Trước khi đến nhà Pá Tra, Mị là người con gái tràn đầy sức sống. Từ khi sống ở nhà Pá Tra, Mị mới trở thành người đàn bà câm lặng, nhân nhục, cam chịu với nét mặt buồn rười rượi.</p>	
<p>--- > Nỗi buồn của Mị không do cảnh đói nghèo, không do cuộc sống vất vả cơ cực mà do chính cuộc sống ở nhà Pá Tra, cuộc sống gắn liền với thân phận cô con dâu trừ nợ.</p>	
<p>b. Nguyên nhân nỗi buồn của Mị:</p>	
<p>b.1. Cuộc sống mất tự do:</p>	
<p>- Thế giới riêng của Mị là căn buồng tối chỉ có một cái cửa sổ lỗ vuông, nhìn ra ngoài trời chỉ thấy một màu mờ mờ trắng trắng không biết là sương hay là nắng - căn buồng như một nhà ngục giam cầm Mị. Sống trong căn buồng ấy, cuộc đời Mị cũng tăm tối như cái thế giới bao quanh Mị.</p>	2 0
<p>- Bị trói buộc bằng công việc: cuộc sống của Mị là một chuỗi công việc nối tiếp nhau: lên núi hái thuốc phiện, đi nương bẻ bắp, giặt đay xe đay, trên tay lúc nào cũng gài bó đay để tước thành sợi. Cuộc sống ấy khiến Mị thấy tủi cực “mình không bằng con trâu, mình không bằng con ngựa”. Vì con ngựa con trâu làm còn có lúc, ban đêm còn được đứng gãi chân, nhai cỏ. Đàn bà con gái trong nhà Pá Tra phải “vùi mặt vào việc cả đêm ngày”.</p>	5
<p>- Bị trói buộc bằng bạo lực: Mị không chỉ thường xuyên bị đánh mà còn bị trói một cách tàn nhẫn. Ngay trong đêm tình mùa xuân, khi cảm nhận cái rạo rức của đất trời, cái nồng nàn của hơi rượu, cái mê đắm của tiếng sáo vẫy gọi, Mị trở lại là cô gái trẻ của những đêm xuân năm trước, hăm hở chuẩn bị cho cuộc đi chơi. Thế nhưng khi A Sử về, nhìn thấy Mị quán tóc, lấy váy hoa, rút thêm cái áo... đã lập tức trói Mị lại. Hấn trói Mị bằng cái thắt lưng, bằng thúng sợi đay, khi thấy tóc Mị xoắn xuống, hấn quán luôn tóc Mị lên cột khiến Mị không cúi, không nghiêng được.</p>	
<p>- Bị trói buộc bằng bốn phận: ngay sau đêm mùa xuân, vì A Sử bị đánh, người chị dâu vào cởi trói cho Mị để Mị đi vào rừng hái thuốc cho chồng. Sợi dây trói thân thể vừa được cắt bỏ thì sợi dây trói của bốn phận lại siết chặt khiến sức sống vừa trỗi dậy đã bị dập vùi tan nát.</p>	
<p>- Bị trói buộc bằng chính ám ảnh về con ma nhà thống lý: từ khi bị cúng trình ma, Mị đã nghĩ rằng mình “chỉ còn đợi ngày rũ xương ở đây thôi”, “sống làm người nhà nó, chết làm ma nhà nó”. Trước khi căn buồng, sợi dây trói giam cầm, tước đoạt tự do của Mị thì Mị đã bị con ma ấy ràng buộc với thân phận con dâu trừ nợ. Vì thế, dù không bị A Sử trói thì Mị cũng cam chịu ngồi trong căn buồng đó nhìn ra phía cái cửa sổ lỗ vuông “đến bao giờ chết thì thôi”.</p>	
<p>--- > Tất cả đem lại cho Mị cảm giác cay đắng, đau khổ “Mị thôn thức nghĩ mình không bằng con ngựa” và bất lực “nước mắt chảy không tự lau đi được”.</p>	
<p>b.2. Cuộc sống không có tình yêu:</p>	
<p>- Bị bắt cóc về làm dâu trừ nợ: ngay trong một đêm mùa xuân, khi nghe tiếng gõ vách theo đúng ám hiệu của người yêu, Mị dỡ vách bước ra thì một bàn tay bịt miệng Mị. Mị bị bắt cóc. Nơi Mị bị đưa đến là nhà Pá Tra. Mị bị cúng trình ma nhà thống lý. Trong hiểu biết của Mị, “đã bị cúng trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn đợi ngày rũ xương ở đây thôi”. Dù Mị rất muốn tự giải thoát khỏi thân phận làm dâu Pá Tra, làm vợ A Sử nhưng Mị không có quyền vì món nợ còn đó</p>	

	<p>sẽ khiến bố Mị khốn khổ. Mất đi môi tình đầu, Mị không chỉ khóc vì đau khổ mà còn muốn từ bỏ cuộc sống: Mị vào rừng hái nấm lá ngón về chào bố để đi chết. Chọn cái chết là cách Mị từ chối sống với người mà mình không yêu. Nhưng đau đớn nhất là ngay cả cái quyền được chết Mị cũng không có. Vì bố, Mị phải chấp nhận “ném nấm lá ngón xuống đất rồi bung mặt khóc”.</p> <p>- Phải chung sống với A Sử - kẻ không có tình yêu, chỉ có bạo lực và sự vô cảm, tàn nhẫn: A Sử chưa bao giờ coi Mị là vợ. Bất kì lúc nào hắn cũng có thể đánh Mị: xoa thuốc cho hắn mệt quá gục xuống thì hắn đập vào mặt, ngồi thổi lửa hơ tay bên bếp, hắn đi chơi về liền co chân đạp Mị ngã lăn xuống cửa bếp. A Sử còn trói Mị một cách nhẫn tâm, độc ác khi thấy cô định đi chơi mùa xuân.</p> <p>- Khi ý thức về bản thân, về cuộc sống trở dậy, Mị nhận ra “Mị với A Sử, không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau”. Ý thức về cuộc sống không tình yêu, không tự do, không hy vọng khiến Mị vừa không dám nhớ lại quá khứ từng được yêu, vừa không muốn đối mặt với thực tại “Nếu có nấm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay chứ không buồn nhớ lại nữa. Nhớ lại, chỉ thấy nước mắt ứa ra”.</p> <p>b.3. Cuộc sống đơn độc, không tìm được sự đồng cảm, đồng điệu:</p> <p>- Về bản chất, Mị là cô gái nhạy cảm, giàu sức sống và luôn rạo rực khát vọng sống. Mị khao khát tình yêu, khao khát tự do và sẵn sàng chấp nhận mọi vất vả và cơ cực để được sống tự do. Mị chấp nhận cuộc nương làm ngô trả nợ thay cho bố để không phải làm dâu nhà giàu.</p> <p>- Trong nhà Pá Tra, Mị không chỉ phải đối mặt với một người chồng lạnh lùng, độc ác, tàn bạo mà còn phải sống giữa những phận đàn bà câm lặng, những người đàn bà cam chịu, nhẫn nhục (người chị dâu lưng còng rạp xuống vì phải đeo thồ quá nặng, những người đàn bà đi ngang qua chỗ A Phủ bị trói mà “không một ai dám hỏi, cũng không ai dám nhìn ngang mắt”).</p> <p>b.4. Hậu quả của nỗi buồn:</p> <p>Sức sống vốn có trong Mị, tâm hồn trẻ trung tràn đầy khao khát của cô không thể bộc lộ, sẽ chia nên dần bị thu lại, nén lại, đè ép xuống cho vừa với khuôn khổ của cuộc sống mới. Mị dần dần tê liệt về sức sống, sức phản kháng: bố Mị chết rồi Mị cũng không nghĩ tới chuyện tự tử. Mị sống “lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa”. Hình ảnh Mị “ngồi quay sợi bên tảng đá cạnh tàu ngựa” vừa là hình ảnh thật, vừa là ẩn dụ về con người, cuộc đời Mị: câm lặng như đá và thân phận như con trâu con ngựa. Không thể tìm được mối đồng cảm, cũng không thể giải bày, sẽ chia, Mị chỉ còn biết làm bạn với bếp lửa: “Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, nếu không có bếp lửa thì Mị đến chết héo mất”. Buồn là cảm xúc, chết héo là thực tế cuộc sống do tác động bên ngoài và sự chuyển hóa dần dần ở bên trong tâm hồn Mị.</p>	<p>0 5 0 5 0 5</p>
	<p>c. 3. Đánh giá:</p> <p>- Thể hiện nỗi buồn của nhân vật Mị, một mặt, nhà văn đã phản ánh thực trạng cuộc sống đau khổ, bi thảm của người lao động miền núi trước cách mạng tháng Tám, mặt khác, nhà văn hé</p>	<p>0 7 5</p>

1. Bùi Đình Nhi

2. Nguyễn Hoàng Hải